

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN
Số: 11/2001/QĐ/BNN-
XDCB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 19 tháng 2 năm 2001

QUYẾT ĐỊNH

V/V BAN HÀNH QUY CHẾ QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THUỘC
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN QUẢN LÝ

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 73/CP ngày 01/11/1995 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 8/7/1999 về việc ban hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 5/5/2000 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 87/CP ngày 05/8/1997 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức;

Căn cứ Quyết định số 40/1998/QĐ-BNN/VP ngày 02/3/1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chế làm việc của Bộ;

Theo đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ Đầu tư xây dựng cơ bản, Vụ Kế hoạch và Quy hoạch và Vụ Tổ chức Cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế quản lý các dự án đầu tư và xây dựng thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý”.

Điều 2. Quyết định có này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông Chánh Văn phòng Bộ, thủ trưởng các Vụ, Cục, Giám đốc các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

QUY CHẾ

QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THUỘC BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 11/2001/QĐ/BNN-XDCB ngày 19 tháng 02 năm
2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT)*

Chương 1:

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

Đối tượng và phạm vi điều chỉnh các dự án đầu tư và xây dựng do Bộ Nông nghiệp & PTNT quản lý áp dụng theo Điều 3 Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng), bao gồm:

1. Các dự án đầu tư sử dụng vốn Ngân sách Nhà nước (NSNN), vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước do Bộ Nông nghiệp & PTNT quản lý, gồm:

- a) Các dự án quy hoạch phát triển ngành Nông nghiệp & PTNT sử dụng vốn NSNN;
- b) Các dự án xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, đầu tư chiều sâu công trình thủy lợi, cơ sở chế biến, cơ sở ngành nông nghiệp, cơ sở ngành lâm nghiệp, viện, trường, trụ sở... thuộc Bộ quản lý;
- c) Các chương trình và dự án (gọi chung là dự án) sử dụng vốn thuộc các khoản vay hoặc tài trợ không hoàn lại của Chính phủ, của các tổ chức Quốc tế, các tổ chức phi Chính phủ và các cá nhân nước ngoài giành cho đầu tư phát triển;
- d) Các dự án đầu tư trong các chương trình Quốc gia (phần xây lắp, mua sắm hàng hoá) thuộc Bộ quản lý như: Chương trình 5 triệu ha rừng, Chương trình nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn,...
- e) Các dự án thuộc Bộ Nông nghiệp & PTNT đầu tư mua sắm tài sản kể cả thiết bị, máy móc không cần lắp đặt, dự án mua sắm phần mềm máy vi tính, công nghệ mới khác;

f) Các dự án nhóm B,C sử dụng vốn đầu tư phát triển của các Tổng công ty 90 và các Công ty trực thuộc Bộ.

2. Các dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI), không thuộc đối tượng điều chỉnh của quy định này.

Điều 2: Phân loại dự án đầu tư:

1. Các dự án đầu tư thuộc ngành Nông nghiệp & PTNT được phân thành các nhóm theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 của Chính phủ và được phân loại theo khoản 2 Điều này.

2. Các dự án đầu tư của Ngành được phân thành 2 loại:

a) Dự án đầu tư xây lắp (trên 50% vốn cho các hạng mục xây lắp).

b) Dự án đầu tư chuyên ngành (trên 50% vốn cho các hạng mục chuyên ngành không xây lắp như: mua sắm trang thiết bị, vật tư chuyên ngành, công nghệ sinh học, trồng rừng...).

Chương 2:

PHÊ DUYỆT DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

Điều 3: Phê duyệt dự án đầu tư và xây dựng

1. Phê duyệt chủ trương, kế hoạch đầu tư:

Để đảm bảo đầu tư các dự án của Bộ đúng mục đích, đạt hiệu quả kinh tế - xã hội cao, thực hiện chiến lược phát triển Ngành, chủ trương đầu tư của Chính phủ trong từng thời kỳ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, trước khi phê duyệt dự án đầu tư và xây dựng phải thực hiện:

1.1- Xác định chủ trương, kế hoạch đầu tư:

- Căn cứ vào định hướng, chủ trương đầu tư của Chính phủ, Bộ trưởng xác định chủ trương đầu tư của Bộ thông qua các chương trình, dự án.

- Thứ trưởng phụ trách tổng hợp kế hoạch chỉ đạo Vụ Kế hoạch-Quy hoạch thông báo chủ trương đầu tư của Bộ đến các đơn vị thuộc Bộ. Các đơn vị căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao và chủ trương đầu tư của Bộ chủ động cùng với Vụ Kế

hoạch-Quy hoạch xây dựng kế hoạch đầu tư, trình Thứ trưởng phụ trách khối có ý kiến chỉ đạo trước khi tổng hợp trình Ban cán sự, Lãnh đạo Bộ phê duyệt.

-Vụ Kế hoạch-Quy hoạch tổng hợp kế hoạch của các đơn vị để báo cáo Thứ trưởng phụ trách tổng hợp kế hoạch trình Ban Cán sự, Lãnh đạo Bộ xem xét quyết định.

1.2-Triển khai đầu tư:

-Sau khi Ban Cán sự hoặc Lãnh đạo Bộ đã thông qua, Thứ trưởng phụ trách tổng hợp kế hoạch chỉ đạo hoàn chỉnh phương án và làm việc với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để có thông báo đầu tư dự án và kế hoạch vốn đầu tư.

-Căn cứ vào thông báo của Chính phủ, Thứ trưởng phụ trách xây dựng cơ bản chung chịu trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị có dự án đầu tư xây lắp được phân loại theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Quy chế này, triển khai các bước đầu tư: Xét duyệt dự án, thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán, đấu thầu; Chỉ đạo quản lý Nhà nước về tiến độ, chất lượng theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước; Phối hợp với Thứ trưởng phụ trách khối xử lý kịp thời những phát sinh chuyên ngành trong quá trình thực hiện.

-Thứ trưởng phụ trách khối chịu trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị có dự án đầu tư chuyên ngành được phân loại theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Quy chế này, triển khai các bước đầu tư: Xét duyệt dự án, thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán, đấu thầu; Chỉ đạo quản lý Nhà nước về tiến độ, chất lượng theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước; Phối hợp với Thứ trưởng phụ trách xây dựng cơ bản chung xử lý kịp thời những phát sinh về xây dựng cơ bản trong quá trình thực hiện.

2. Phê duyệt dự án quy hoạch của Ngành:

2.1- Đối với dự án quy hoạch tổng thể phát triển ngành Nông nghiệp & PTNT, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT ký trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2.2- Đối với các dự án:

a) Quy hoạch phát triển nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi).

b) Quy hoạch sản xuất, chế biến nông lâm sản và muối.

c) Quy hoạch phát triển Lâm nghiệp.

d) Quy hoạch phát triển Thủy lợi (đê điều, thủy nông).

e) Quy hoạch phát triển nông thôn.

g) Quy hoạch phát triển cơ sở sự nghiệp.

Bộ trưởng phê duyệt hoặc xem xét để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Thứ trưởng phụ trách khối ký trình cấp trên khi được Bộ trưởng phân công.

Trước khi quyết định hoặc trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ trưởng - Bí thư Ban Cán sự cùng tập thể Ban Cán sự thảo luận và quyết định các dự án trên theo quy định tại Điều 3 của Quy chế làm việc của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành kèm theo Quyết định số 40/1998/QĐ-BNN/VP ngày 02/3/1998 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây gọi tắt là Quy chế làm việc của Bộ).

3. Phê duyệt dự án đầu tư:

Việc phê duyệt các dự án nhóm A, B, C sử dụng vốn NSNN, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước do Bộ Nông nghiệp & PTNT quản lý được thực hiện theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng, Nghị định số 87/CP ngày 05/8/1997 của Chính phủ đối với các dự án sử dụng vốn ODA, như sau:

3.1-Thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư của Bộ Nông nghiệp & PTNT:

a) Bộ trưởng phê duyệt chủ trương dự án nhóm A, các dự án sử dụng vốn ODA với tổng số vốn đầu tư tương đương dự án nhóm A theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hoặc phê duyệt các dự án nhóm B, C có tính chất quan trọng hoặc có tính chất chiến lược của ngành.

b) Bộ trưởng uỷ quyền Thứ trưởng phụ trách xây dựng cơ bản chung phê duyệt dự án đầu tư xây lắp, Thứ trưởng phụ trách khối phê duyệt các dự án đầu tư chuyên ngành không thuộc quy định tại mục 1.a khoản 3 Điều này, gồm:

- Các dự án nhóm B, C hoặc các dự án đầu tư sử dụng vốn ODA với tổng số vốn đầu tư tương đương dự án nhóm B,C theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng.

- Các dự án đầu tư và xây dựng có sử dụng vốn ODA không hoàn lại có mức vốn dưới 500.000 đô la Mỹ.

- Riêng một số dự án nhóm B,C có tính chất phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực, trước khi quyết định Thứ trưởng phụ trách thực hiện theo quy định tại điều 6, 7, 8